

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 5 - 2025

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Thương, bà Đào Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thúy K, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người được nguyên đơn uỷ quyền giao, nhận các văn bản tố tụng: Anh Phạm Duy Hà, sinh năm 1980, địa chỉ: Tầng 17, tòa Discovery Complex, số 302 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Giấy uỷ quyền ngày 10/02/2025).

2. Bị đơn: Anh Y, sinh năm 1979, địa chỉ: Phòng 202, 6-dong, 35-17 Seongmal-ro 53 beon-gil, (Uju Villa, Guwol-dong), Namdong-gu, Incheon, Korea. Vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10/02/2025 của nguyên đơn chị Trần Thúy K và bản tự khai đề ngày 10/02/2025 của bị đơn anh Y đều trình bày: Anh chị quen biết nhau vào năm 2015 tại Hà Nội khi anh Y đến Việt Nam làm việc. Sau một thời gian tìm hiểu, anh chị có tình cảm gắn bó với nhau và quyết định đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, Việt Nam ngày 20/11/2017. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Sau đó anh chị đã ghi chú kết hôn tại Hàn Quốc, hôn nhân của anh chị được pháp luật hai nước Việt Nam và Hàn Quốc công nhận.

Sau khi kết hôn, anh Y trở về Hàn Quốc làm việc còn chị Trần Thúy K ở lại Việt Nam. Năm 2018 và 2019 chị Trần Thúy K đến Hàn Quốc thăm anh Y mỗi năm 01 đến 02 lần. Tháng 10/2021 anh Y đến Việt Nam làm việc tại tỉnh Bình

Dương và anh chị chung sống cùng nhau tại đó. Tháng 7/2022 anh Y trở về Hàn Quốc, chị K ở lại Việt Nam. Tháng 9/2023 anh Y sang Việt Nam thăm chị K và từ đó đến nay anh chị không gặp lại nhau nữa.

Trước đây anh chị có kế hoạch lâu dài sẽ thu xếp công việc để sinh sống cùng nhau, tuy nhiên kế hoạch và các dự định không thực hiện được vì khoảng cách địa lý quá xa nhau, do bất đồng về ngôn ngữ, khác biệt về văn hóa, anh Y không còn làm việc và sinh sống tại Việt Nam. Anh chị không có chung quan điểm về hôn nhân, quan hệ với người thân hai bên có sự khác biệt, không có nghĩa vụ và trách nhiệm với nhau. Dù hai bên đã cố gắng để khắc phục, hàn gắn nhưng sự khác biệt không được giải quyết và ngày càng trầm trọng. Anh chị không chung sống cùng nhau và không gặp nhau từ tháng 9/2023 đến nay, trên thực tế cuộc sống hôn nhân đã không tồn tại. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị K làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn, anh Y đồng ý và đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh chị đều xác nhận quá trình chung sống không có con chung, không xây dựng tài sản chung và không nợ ai do đó không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc bận và khoảng cách địa lý xa xôi, đồng thời hai bên cũng đã thống nhất quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn, không ai thay đổi yêu cầu. Vì vậy chị Trần Thuý K và anh Y đều đề nghị Toà án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải, đồng thời anh chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Do cả hai anh chị đều đã cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ đầy đủ nên đề nghị Toà án không tiến hành thủ tục uỷ thác tổng đạt giấy tờ cũng như uỷ thác thu thập chứng cứ thông qua kênh tổng đạt chính thức của Bộ Tư pháp để đảm bảo rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và giảm thiểu phát sinh chi phí từ việc uỷ thác, các bên cam kết không có khiếu nại gì về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án.

Tại đơn đề nghị ngày 08/4/2025, anh Y xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang thông qua người được uỷ quyền giao, nhận văn bản tố tụng của Toà án, anh đã hiểu và biết các nội dung chính trong thông báo của Toà án. Anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai, đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án, tạo điều kiện để anh chị sớm ổn định cuộc sống sau ly hôn.

Chị Trần Thuý K và anh Y đều uỷ quyền cho anh Phạm Duy Hà, sinh năm 1980, địa chỉ: Tầng 17, tòa Discovery Complex, số 302 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thay mặt anh chị giao, nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thực hiện các công việc khác trong phạm vi và thời hạn uỷ quyền (bút lục 09, 10 và bút lục 37, 38). Anh Phạm Duy Hà có trách nhiệm thông báo nhanh chóng, kịp thời, chính xác các văn bản tố tụng của Toà án cho chị Trần Thuý K và anh Y biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thuý K và bị đơn anh Y vắng

mặt, cùng có đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thuý K khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Y, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[1.2] Về thẩm quyền: Xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Trần Thuý K và anh Y tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn (*Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2017 ngày 20/11/2017*). Chị Trần Thuý K là công dân Việt Nam, có địa chỉ tại Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; anh Y là công dân có quốc tịch Hàn Quốc, hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, địa chỉ nơi cư trú hiện nay của anh Y là phòng 202, 6-dong, 35-17 Seongmal-ro 53 beon-gil, (Uju Villa, Guwol-dong), Namdong-gu, Incheon, Hàn Quốc. Xét thấy vụ án có đương sự (*bị đơn*) là người nước ngoài hiện đang sinh sống ở nước ngoài, thuộc trường hợp vụ án có yếu tố nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 464 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[1.3] Về thủ tục hoà giải: Xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có lời khai thống nhất, có cùng quan điểm về việc giải quyết vụ án, không có sự mâu thuẫn, nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Tại đơn đề nghị ngày 08/4/2025 (bút lục 61-62), bị đơn anh Y xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Toà án thông qua người được uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của Toà án, nắm được các nội dung thể hiện trên Thông báo thụ lý vụ án. Anh có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thuý K. Các đương sự đều đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải do tính chất công việc bận và khoảng cách địa lý xa xôi, đi lại khó khăn. Vì vậy Toà án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành hoà giải là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn chuẩn bị xét xử và sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Toà án rút ngắn thời gian giải quyết vụ án. Xét thấy tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp đầy đủ, bảo đảm tính pháp lý (*các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp là bản chính, bản sao có công chứng, chứng thực, văn bản của bị đơn được công chứng, hợp pháp hoá lãnh sự, văn bản bằng tiếng nước ngoài được dịch thuật, công chứng*), đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Toà án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ bổ sung, do đó Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc mở phiên tòa xét xử vụ án sớm hơn so với thời gian ấn định theo thông báo

thụ lý vụ án và sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[1.5] Về việc tham gia phiên toà của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Do vụ án thuộc trường hợp Toà án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không tham gia phiên toà sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thuý K về việc đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn anh Y:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thuý K và anh Y gặp gỡ, quen biết và có tình cảm với nhau từ năm 2015. Sau thời gian tìm hiểu, anh chị quyết định kết hôn với nhau có sự ủng hộ của hai bên gia đình, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang ngày 20/11/2017 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2017). Hôn nhân của chị Trần Thuý K và anh Y là hôn nhân hợp pháp, được hai nước Việt Nam - Hàn Quốc công nhận. Tuy nhiên sau khi kết hôn, do tính chất công việc nên anh Y đã trở về Hàn Quốc làm việc còn chị K ở lại Việt Nam. Khoảng cách giữa hai nước quá xa nên hai vợ chồng anh chị không có điều kiện thường xuyên sinh sống gần nhau để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sự bất đồng về ngôn ngữ, văn hoá, quan điểm về hôn nhân, cách ứng xử với người thân trong gia đình của mỗi người chưa hài hoà, phù hợp dẫn tới rạn nứt tình cảm vợ chồng kéo dài không thể khắc phục được. Chị Trần Thuý K và anh Y không chung sống cùng nhau và không gặp nhau từ tháng 9/2023 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc và có trách nhiệm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thuý K về việc xin ly hôn với anh Y.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thuý K và anh Y cùng xác nhận quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung, không có công nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thuý K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, Điều 228, Điều 273, Điều 474, Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thuý K.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thuý K được ly hôn với anh Y.
3. Về án phí: Chị Trần Thuý K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 000201 ngày 10/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.
4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thuý K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (do anh Phạm Duy Hà nhận thay);
- Lưu HS, Tổ HCTP; Phòng KTNV-TAND tỉnh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ